

Thời gian làm bài : 45 Phút; (Đề có 27 câu)

I. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Thông thường những nước có vốn đầu tư ra nước ngoài cao thì

- A.** Tốc độ tăng GDP lớn hơn GNI.
B. GNI/người nhỏ hơn GDP/người.
C. GNI nhỏ hơn GDP.
D. GNI lớn hơn GDP.

Câu 2: Kết cấu dân số theo khu vực kinh tế thường phản ánh đặc điểm nào dưới đây?

- A.** Tổ chức đời sống xã hội.
B. Khả năng phát triển dân số.
C. Đặc điểm sinh tử của dân số.
D. Trình độ phát triển kinh tế

Câu 3: Nhân tố ảnh hưởng làm cho sản xuất nông nghiệp có tính bất bình là

- A.** nguồn nước. **B.** đất đai. **C.** sinh vật. **D.** khí hậu.

Câu 4: Loại vật nuôi nào sau đây được nuôi nhiều ở vùng khô hạn?

- A. Trâu.** **B. Dê.** **C. Bò.** **D. Lợn.**

Câu 5: Yếu tố nào sau đây **không** nằm trong nhóm nguồn lực kinh tế - xã hội?

- A. Chính sách. B. Khoáng sản. C. Vốn. D. Thị trường.**

Câu 6: Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ, có thể phân chia nguồn lực thành

- A.** nguồn lực tự nhiên, nguồn lực kinh tế - xã hội.
B. nguồn lực tự nhiên, nguồn lực vị trí địa lí.
C. nguồn lực kinh tế - xã hội, nguồn lực vị trí địa lí.
D. nguồn lực trong nước, nguồn lực nước ngoài.

Câu 7: Các nguồn lực nào sau đây tạo thuận lợi hay khó khăn trong việc tiếp cận giữa các vùng trong một nước?

- A. Khoa học** **B. Vị trí địa lí.** **C. Lao động.** **D. Đất đai, biển.**

Câu 8: Loại vật nuôi nào sau đây chiếm vị trí hàng đầu trong ngành chăn nuôi?

- A. Bò.** **B. Cừu.** **C. Lợn.** **D. Trâu.**

Câu 9: Thành phần nào sau đây **không** được xếp vào cơ cấu thành phần kinh tế của một quốc gia?

- A. Nhà nước.**
C. Ngoài Nhà nước.
- B. Nông - lâm - ngư nghiệp.**
D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 10: Quy mô dân số của một quốc gia là

- A.** mật độ trung bình dân số.
B. số dân quốc gia ở các nước
C. tổng số dân của quốc gia.
D. số người trên diện tích đất.

Câu 11: Kết cấu dân số theo khu vực kinh tế thường phản ánh đặc điểm nào dưới đây?

- A.** Trình độ phát triển kinh tế
C. Tổ chức đời sống xã hội.

Câu 12: Quy mô sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào

- A.** chất lượng đất.
C. nguồn nước tưới.
- B.** diện tích đất.
D. độ nhiệt ẩm.

Câu 13: Nhân tố tạo ra nhiều giống mới, tăng năng suất, chất lượng nông nghiệp là

- A.** địa hình, đất trồng.
B. cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật.
C. khoa học – công nghệ.
D. dân cư – lao động.

Câu 14: Cho bảng số liệu về quy mô dân số thế giới giai đoạn 1500 đến 2011

Năm	1500	1804	1927	1959	1974	1987	1999	2011
Số dân (triệu người)	500	1000	2000	3000	4000	5000	6000	7000

Nhân xét nào sau đây đúng về sự gia tăng dân số thế giới?

- A. Số năm để dân số tăng lên 1 tỉ người càng về sau càng ít lại.
- B. Số dân tăng lên 1 tỉ người trải qua trong thời gian 100 năm.
- C. Số năm để dân số tăng lên 1 tỉ người càng về sau càng nhiều.
- D. Số dân tăng lên 1 tỉ người trải qua trong thời gian 200 năm.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Làm ổn định lâu dài tình hình phân bố dân cư.
- B. Góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- C. Làm thay đổi các quá trình hôn nhân ở đô thị.
- D. Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 16: Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nào sau đây là kết quả tất yếu của kinh tế hộ gắn với sản xuất hàng hoá?

- A. Hợp tác xã nông nghiệp.
- B. Vùng nông nghiệp.
- C. Trang trại nông nghiệp.
- D. Nông trường quốc doanh.

Câu 17: Đầu tư nước ngoài nhiều hơn đầu tư ra nước ngoài sẽ có

- A. GNI/người nhỏ hơn GDP/người.
- B. GNI lớn hơn GDP.
- C. GDP lớn hơn GNI.
- D. Tốc độ tăng GDP lớn hơn GNI.

Câu 18: Đô thị hóa có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn.
- B. Dân cư thành thị có tăng nhanh như dân nông thôn.
- C. Hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn giảm mạnh.
- D. Hoạt động thuần nông chiếm quỹ thời gian lao động.

Câu 19: Cơ cấu ngành kinh tế **không** phản ánh

- A. trình độ phát triển lực lượng sản xuất.
- B. việc sở hữu kinh tế theo thành phần.
- C. trình độ phân công lao động xã hội.
- D. việc sử dụng lao động theo ngành.

Câu 20: “Phản ánh trình độ dân trí và học vấn của dân cư, một tiêu chí để đánh giá chất lượng cuộc sống của một quốc gia” là ý nghĩa của

- A. cơ cấu dân số theo giới.
- B. cơ cấu dân số theo lao động.
- C. cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.
- D. cơ cấu dân số theo độ tuổi.

Câu 21: Đầu tư nước ngoài nhiều hơn đầu tư ra nước ngoài sẽ có

- A. Tốc độ tăng GDP lớn hơn GNI.
- B. GNI/người nhỏ hơn GDP/người.
- C. GNI lớn hơn GDP.
- D. GDP lớn hơn GNI.

Câu 22: Định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai là

- A. đẩy mạnh công nghiệp chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. gắn với thị trường giữa các địa phương và các vùng.
- C. thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.
- D. tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho người lao động.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự phát triển của ngành nuôi trồng thủy sản hiện nay?

- A. Kỹ thuật nuôi từ thâm canh chuyển sang quảng canh.
- B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng thế giới tăng rất nhanh.
- C. Ngày càng phổ biến nuôi thủy sản nước lợ, nước mặn.
- D. Nuôi nhiều loài có giá trị kinh tế, thực phẩm cao cấp.

Câu 24: Gia tăng cơ học **không** có ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số của

- A. khu vực
- B. quốc gia
- C. các vùng.
- D. thế giới.

II. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN**Câu 25:** Phân tích các nhân tố kinh tế xã hội tác động đến đô thị hóa.**Câu 26:** Cho bảng số liệu:**DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2000 VÀ 2020***(Đơn vị: triệu người)*

	2000	2020
Thế giới	6 143,5	7 794,8
Châu Á	3 741,3	4 641,1
Châu Âu	725,6	747,6
Châu Mỹ	834,3	1022,8
Châu Phi	810,9	1 340,6
Châu Đại Dương	31,4	42,7

Nguồn: www.danso.org

a. Vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện quy mô, cơ cấu dân số các châu lục năm 2000 và 2020

b. Qua biểu đồ rút ra nhận xét.

Câu 27: Cho bảng số liệu**Dân số Việt Nam qua các năm***(Đơn vị: triệu người)*

Năm	1999	2000	2002	2003	2006
Dân số (người)	?	?	79.727.400	?	?

Cho gia tăng dân số là 1,32% và không thay đổi trong cả giai đoạn, hãy lập bảng và điền kết quả vào các năm 1999, 2000, 2003, 2006.

----- HẾT -----**ĐÁP ÁN****I. Phần đáp án câu trắc nghiệm:**

1	D	6	D	11	A	16	C	21	D
2	D	7	B	12	B	17	C	22	C
3	D	8	A	13	C	18	A	23	A
4	B	9	B	14	A	19	B	24	D
5	B	10	C	15	A	20	C		

II. Phần đáp án câu tự luận:**Câu 25** Phân tích các nhân tố kinh tế xã hội tác động đến đô thị hóa.**Gợi ý làm bài:**

- + Mức độ và tốc độ đô thị hóa
- + Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, lối sống...
- + Quy mô và chức năng đô thị
- + Hình thành hệ thống đô thị toàn cầu

Câu 26 Cho bảng số liệu:**DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2000 VÀ 2020***(Đơn vị: triệu người)*

	2000	2020
Thế giới	6 143,5	7 794,8
Châu Á	3 741,3	4 641,1
Châu Âu	725,6	747,6
Châu Mỹ	834,3	1022,8
Châu Phi	810,9	1 340,6
Châu Đại Dương	31,4	42,7

Nguồn: www.danso.org

a. Vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện quy mô, cơ cấu dân số các châu lục năm 2000 và 2020

b. Qua biểu đồ rút ra nhận xét.

Gợi ý làm bài:

a. Xử lý số liệu

(đơn vị: %)

	2000	2020
Thế giới	100	100
Châu Á	60,9	59,5
Châu Âu	11,8	9,6
Châu Mỹ	13,6	13,1
Châu Phi	13,2	17,2
Châu Đại Dương	0,5	0,6

- Vẽ biểu đồ tròn có bán kính 2020 > 2000 (ước lượng), các loại biểu đồ khác không cho điểm.

- Có đầy đủ các yếu tố, thiếu mỗi yếu tố - 0,25 điểm

b. Nhận xét

Cơ cấu dân số các châu lục có sự thay đổi từ năm 2000 đến 2020

+ Tỷ trọng dân châu Á giảm.. (dẫn chứng)

+ Tỷ trọng dân châu Âu giảm..(dẫn chứng)

+ Tỷ trọng dân châu Mỹ giảm..(dẫn chứng)

+ Tỷ trọng dân châu Phi Tăng..(dẫn chứng)

+ Tỷ trọng dân châu Đại Dương tăng nhẹ..(dẫn chứng)

Câu 27 Cho biết dân số nước B năm 1996 là 101,5 triệu người. Vào thời gian đó (1993 - 1999) mức tăng TB là 1.5%

Năm	1993	1995	1996	1997	1999
DS			101,5		

Gợi ý làm bài:

Năm	1993	1995	1996	1997	1999
DS	97,0	100,0	101,5	103,0	106,1